TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HUẾ** **TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 185/2019/QĐST-HNGĐ	*Thành phố Huế, ngày 17 tháng 4 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 133/2019/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2019, giữa:

- Nguyên đơn: Anh Trần Văn P, sinh năm 1969;

Địa chỉ: Số 314 N, phường L, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Bị đơn: Chị Hà Thị X, sinh năm 1980;

Địa chỉ: Số 314 N, phường L, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 7 Điều 26 Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 09 tháng 4 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 09 tháng 4 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Trần Văn P và chị Hà Thị X.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Trần Văn P và chị Hà Thị X.

- Về con chung: Anh Trần Văn P và chị Hà Thị X có ba con chung là các cháu Trần Thị Huyền D, sinh ngày 05/5/2009, Trần Văn U, sinh ngày 26/11/2010 và Trần Văn Q, sinh ngày 17/7/2012. Hiện nay cháu Trần Thị Huyền D và cháu Trần Văn U đang sống với anh Trần Văn P; còn cháu Trần Văn Q đang sống với chị Hà Thị X.

Nay ly hôn anh Trần Văn P và chị Hà Thị X tự nguyện thỏa thuận như sau: Giao cháu Trần Thị Huyền D và Trần Văn U cho anh Trần Văn P trực tiếp chăm

sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến lúc các cháu D và U trưởng thành, đủ 18 tuổi. Giao cháu Trần Văn Q cho chị Hà Thị X trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến lúc cháu Q trưởng thành, đủ 18 tuổi; Không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung và nợ chung: Anh Trần Văn P và chị Hà Thị X không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Anh Trần Văn P và chị Hà Thị X mỗi người phải chịu 75.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Hai bên thỏa thuận anh Trần Văn P tự nguyện chịu toàn bộ án phí ly hôn là 150.000đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà anh Trần Văn P đã nộp 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 007806 ngày 12/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế, anh Trần Văn P được hoàn trả lại số tiền chênh lệch là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- VKSND thành phố Huế;
- UBND phường L, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế (Anh Trần Văn P và chị Hà Thị X ĐKKH số 90, quyển số: 01/2010, ngày 30/6/2010);
- Chi cục THADS thành phố Huế;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu dán án.

THẨM PHÁN

Huỳnh Trọng Cẩn